

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM MỸ LÊ

Trường Mầm non 9, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ở các trường mầm non quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. 178 cán bộ quản lý, giáo viên và 145 phụ huynh các trường mầm non đã tham gia khảo sát. Kết quả điều tra cho thấy công tác này được đánh giá chủ yếu ở mức khá, còn những hạn chế, bất cập nhất định. Trên cơ sở kết quả điều tra, nghiên cứu đã đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non.

Từ khoá: Chăm sóc, nuôi dưỡng, thành phố Hồ Chí Minh, trẻ mầm non.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục mầm non (GDMN) là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ đặt nền móng cơ sở cho việc hình thành và phát triển nhân cách con người mới Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới, công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Mục tiêu của GDMN là giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp Một. Chiến lược phát triển GDMN giai đoạn 2011 đến 2020 và tầm nhìn đến 2030 đã đề ra mục tiêu tổng quát là: “Đến năm 2020, bữa ăn của người dân được cải thiện về số lượng, cân đối hơn về chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh, suy dinh dưỡng trẻ em, đặc biệt thấp còi được giảm mạnh, góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của người Việt Nam, kiểm soát có hiệu quả tình trạng thừa cân, béo phì, góp phần hạn chế các bệnh mãn tính không liên quan đến dinh dưỡng” [6]. Có thể nói chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ là một nhiệm vụ chính của GDMN, nhằm giúp trẻ phát triển khỏe mạnh hài hòa cân đối, có khả năng thích ứng với môi trường.

Trong những năm qua, công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ở các trường mầm non Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh cơ bản đã thực hiện khá tốt, tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Sức khỏe và thể trạng của trẻ không đồng đều; số lượng trẻ thừa cân, béo phì có tỉ lệ cao; điều kiện cơ sở vật chất của một số trường còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn... Để có cơ sở đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ở các trường mầm non Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, cần thiết tiến hành những nghiên cứu thực tiễn về vấn đề này.

Để tìm hiểu thực trạng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại các trường mầm non Quận 5, chúng tôi đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi làm phương pháp chủ đạo. Các nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng được đánh giá theo thang điểm: 1. Kém; 2. Trung bình; 3. Khá; 4. Tốt; 5. Rất tốt. Số lượng khảo sát là 33 cán bộ quản lý, 145 giáo viên và 140 phụ huynh trẻ. Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0.

2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Thực trạng hoạt động nuôi dưỡng trẻ mầm non

Bảng 1. *Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường mầm non và phụ huynh học sinh về việc thực hiện các nội dung tổ chức hoạt động nuôi dưỡng trẻ*

TT	Nội dung	CBQL, GV		PH	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Đảm bảo thực hiện đúng các qui định của ngành về hoạt động nuôi dưỡng trẻ	3,65	0,62	3,31	0,72
2	Đảm bảo nguồn thực phẩm sạch và an toàn	3,64	0,62	3,64	0,53
3	Đảm bảo thực đơn trong ngày đủ bốn nhóm thực phẩm	3,61	0,66	3,52	0,58
4	Đảm bảo thực đơn trong tuần không trùng món ăn	3,42	0,84	3,36	0,77
5	Đảm bảo nhu cầu về năng lượng và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể trẻ	3,37	0,71	3,65	0,56
6	Chế độ ăn đảm bảo đủ về số lượng và cân đối về chất lượng phù hợp với từng độ tuổi	3,31	0,69	3,54	0,56
7	Quy trình chế biến thức ăn cho trẻ được sắp xếp theo bếp một chiều	3,26	0,75	3,81	0,41
8	Bếp tập thể trường học đảm bảo an toàn	3,24	0,87	3,79	0,41
9	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, đồ dùng phục vụ công tác nuôi dưỡng trẻ sạch sẽ, an toàn, phù hợp	3,29	0,88	3,73	0,45
10	Điều kiện nguyên liệu, bảo quản thực phẩm trong chế biến (Kho thực phẩm, nguyên liệu, phụ gia, chế độ kiểm thực ba bước, lưu mẫu thực phẩm)	3,32	0,83	3,75	0,45
11	Đảm bảo điều kiện nhân viên tiếp xúc với thực phẩm khi chế biến món ăn cho trẻ (Được khám sức khỏe, có giấy chứng nhận kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hành vệ sinh cá nhân, trang phục bảo hộ lao động)	3,37	0,74	3,48	0,69
12	Đủ lượng nước sạch cho trẻ uống và sinh hoạt trong ngày ở trường	3,34	0,71	3,69	0,48
13	Có chế độ dinh dưỡng dành riêng cho trẻ dư cân, béo phì, suy dinh dưỡng theo kế hoạch	3,33	0,80	3,51	0,63
14	Đảm bảo trẻ ăn hết suất trong các bữa ăn	3,33	0,81	3,15	0,77
15	Thực hiện 16 loại sổ sách báo trú theo qui định	3,38	0,72	3,49	0,70
16	Trẻ được theo dõi tình trạng sức khỏe cân nặng trên biểu đồ	3,37	0,72	3,80	0,48
17	Chế độ cho trẻ uống sữa được áp dụng thường xuyên không quá 2 lần/ngày	3,40	0,78	3,74	0,50

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn; CBQL: Cán bộ quản lý; GV: Giáo viên; PH: Phụ huynh

Kết quả khảo sát các nội dung ở bảng 1 cho thấy hoạt động nuôi dưỡng trẻ ở các trường Mầm non Quận 5 được đa số cán bộ quản lý, giáo viên đánh giá chủ yếu ở mức độ “khá”.

Điều này chứng tỏ công tác này vẫn còn những bất cập, vì thế, cần có biện pháp để cải thiện thực trạng.

Trong các nội dung được khảo sát, những nội dung được đánh giá gần với mức độ “tốt” hơn là: “*Đảm bảo thực hiện đúng các qui định của ngành về hoạt động nuôi dưỡng trẻ*”, “*Đảm bảo nguồn thực phẩm sạch và an toàn*” và “*Đảm bảo thực đơn trong ngày đủ bốn nhóm thực phẩm*”. Trong những năm qua, ngành giáo dục đã có những văn bản chỉ đạo hoạt động nuôi dưỡng trẻ, đặc biệt là Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN. Văn bản này đưa ra những yêu cầu nghiêm ngặt về chăm sóc dinh dưỡng và thực hiện khẩu phần dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ tại trường [3].

Thực phẩm sạch và an toàn là yêu cầu được đặt ra hàng đầu trong hoạt động nuôi dưỡng trẻ. Theo qui định của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5, các trường cần đưa thực phẩm sạch và an toàn trong chế biến các món ăn phục vụ trẻ học bán trú. Đầu năm học, các trường phải tổng hợp các hợp đồng mua bán thực phẩm với các công ty nộp lên Phòng Giáo dục và Đào tạo để kiểm tra. Các buổi tuyên truyền, thông tin truyền thông về vấn đề thực phẩm sạch được phổ biến rộng rãi trên bảng tin trường lớp. Các hình thức tuyên truyền như: Phát thanh, băng rôn, áp phích đã tác động đến phụ huynh, giáo viên và nhân viên. Chính vì thế, nội dung “*Đảm bảo nguồn thực phẩm sạch và an toàn*” đã góp phần thực hiện tốt kế hoạch phòng chống ngộ độc thực phẩm của các trường.

Để trẻ được phát triển khoẻ mạnh, cân đối, việc đảm bảo thực đơn trong ngày đủ bốn nhóm thực phẩm là hết sức quan trọng. Đó là những nhóm: bột đường, đạm, béo, vitamin và khoáng chất (Thịt, cá, dầu, mỡ, gạo, bắp, rau củ, trái cây...). Trong đó, có 3 nhóm thực phẩm cung cấp năng lượng (được tính bằng Kilocalo, viết tắt Kcal) cho mọi hoạt động sống của con người gồm chất bột đường, chất đạm, chất béo, và nhóm thứ 4 không cung cấp năng lượng nhưng vô cùng quan trọng, khi thiếu sẽ gây những hậu quả xấu cho sức khỏe, đó là các vitamin và khoáng chất. Ở các trường mầm non, phó hiệu trưởng chăm sóc sẽ phụ trách lên thực đơn hàng ngày cho trẻ và giám sát nhà bếp đảm bảo chế độ dinh dưỡng cho trẻ.

Trong tương quan chung, nội dung “*Bếp tập thể trường học đảm bảo an toàn*”, “*Quy trình chế biến thức ăn cho trẻ được sắp xếp theo bếp một chiều*”, “*Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, đồ dùng phục vụ công tác nuôi dưỡng trẻ sạch sẽ, an toàn, phù hợp*” được đánh giá thấp hơn các nội dung khác. Năm học 2017-2018, các trường mầm non trong quận phải thực hiện theo văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về an toàn thực phẩm: thực phẩm được đưa vào bếp chế biến phải được các công ty cung cấp nằm trong chuỗi thực phẩm an toàn thành phố; thực phẩm được đưa vào bếp từ khâu tiếp nhận đến thành phẩm phải thực hiện theo qui trình một chiều: Tiếp phẩm, sơ chế, chế biến, phân chia thức ăn rồi đưa xuống lớp, thực phẩm vào một cửa để chế biến, đưa xuống lớp bằng cửa khác không quay lại khu vực sơ chế. Để thực hiện theo quy trình này, cơ sở vật chất các trường phải đủ rộng và đảm bảo an toàn. Tuy nhiên, thực tế, việc đầu tư nâng cấp, sửa chữa bếp tập thể của một số trường còn hạn chế; diện tích bếp ăn một chiều chưa đạt chuẩn, không gian còn chật chội; dụng cụ nấu nướng và

đựng thức ăn cho trẻ chưa tân tiến... Để đáp ứng những tiêu chuẩn trong nuôi dưỡng trẻ mầm non, các trường cần nâng cấp và cải tạo các điều kiện cơ sở vật chất.

Dữ liệu khảo sát ở bảng 1 cũng cho thấy phụ huynh có xu hướng đánh giá kết quả thực hiện ở hầu hết các nội dung nuôi dưỡng cao hơn cán bộ quản lý và giáo viên, tiêu biểu ở các nội dung: “*Quy trình chế biến thức ăn cho trẻ được sắp xếp theo bếp một chiều*”, “*Trẻ được theo dõi tình trạng sức khỏe cân nặng trên biểu đồ*”, “*Bếp tập thể trường học đảm bảo an toàn*”. Điều đó chứng tỏ phụ huynh hài lòng về công tác này hơn cán bộ quản lý và giáo viên. Đây là điểm thuận lợi cho các trường mầm non trong công tác nuôi dưỡng trẻ. Dù vậy, các trường mầm non không được chủ quan mà cần tự đánh giá chính xác về thực trạng nuôi dưỡng trẻ để có thể đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng công tác này.

2.2. Thực trạng hoạt động chăm sóc trẻ mầm non

Chăm sóc trẻ em là hoạt động nuôi dưỡng, giáo dục, theo dõi quá trình phát triển của trẻ nhỏ. Trẻ nhỏ từ khi mới lọt lòng mẹ cần sự chăm sóc về dinh dưỡng cũng như giáo dục về tinh thần. Khoản 1 Điều 15 Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em quy định “Trẻ em có quyền được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe” [8]. Chính vì vậy, công tác chăm sóc sức khỏe, bảo vệ sức khỏe trẻ là một nội dung quan trọng của các trường mầm non.

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, mặc dù đều nằm trong cùng một khoảng đánh giá chủ yếu mức “khá”, song hoạt động chăm sóc không được đánh giá tốt bằng hoạt động nuôi dưỡng. Nếu như đặc trưng của hoạt động nuôi dưỡng là liên quan đến chế độ dinh dưỡng, giúp trẻ phát triển thể chất tốt thì hoạt động chăm sóc hướng đến việc giáo dục trẻ nhiều hơn. Hoạt động nuôi dưỡng thường dễ tiến hành hơn bởi nó có những văn bản hướng dẫn, cụ thể. Mặt khác, công thức, khẩu phần ăn uống hàng ngày của trẻ được quy định rõ ràng. Trong khi đó, những nội dung chăm sóc đa dạng hơn, phụ thuộc nhiều đặc điểm của từng trẻ cũng như kỹ năng nghiệp vụ của giáo viên nhiều hơn. Chính vì lẽ đó, việc thực hiện công tác chăm sóc sẽ khó hơn so với công tác nuôi dưỡng.

Theo ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên, so với các nội dung trong công tác chăm sóc trẻ, nội dung “*Công trình vệ sinh phù hợp với từng độ tuổi của trẻ*” và “*Kiểm tra việc tổ chức giờ ăn, giờ ngủ của trẻ đảm bảo quy chế nuôi - dạy*” được đánh giá ở mức độ thực hiện tốt hơn. Trong những năm qua, các trường mầm non ở Quận 5 đã từng bước nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, đặc biệt là nhà vệ sinh. Tuy nhiên, thực tế ở một số trường mầm non, hệ thống nhà vệ sinh phục vụ trẻ đã cũ kỹ, xuống cấp, cần được cải thiện.

Nội dung được đánh giá hạn chế hơn so với các nội dung khác là: “*Số trẻ/lớp theo qui định của điều lệ trường mầm non*”. Theo quy định của trường mầm non, số trẻ/lớp là: trẻ 25- 36 tháng tuổi 25 trẻ/nhóm, trẻ từ 3-4 tuổi 25 trẻ/lớp, trẻ từ 4-5 tuổi 30/lớp, trẻ 5-6 tuổi 35 trẻ/lớp [5]. Song thực tế, ở một số trường, số lượng trẻ dưới 36 tháng tuổi lên đến 30-35 trẻ/nhóm và trẻ tuổi mẫu giáo 40- 45 trẻ/lớp. Điều này đã gây ra những khó khăn cho công tác chăm sóc trẻ.

Dữ liệu ở bảng 2 cho thấy có sự khác biệt nhất định trong nhận xét công tác chăm sóc giữa cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh. Một số nội dung, phụ huynh đánh giá cao hơn cán bộ quản lý, giáo viên: “*Đảm bảo chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ*”; “*Số trẻ/lớp theo qui định của điều lệ trường mầm non*”; “*Trẻ được khám sức khỏe, tẩy giun định kỳ*”.

theo Thông tư 13/BYT”; “Trẻ được cân đo, theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ, tiêm ngừa, uống vacxin theo chiến dịch”; “Có hồ sơ, sổ sách quản lý trẻ, thuận lợi trong quá trình trao đổi với phụ huynh khi cần thiết”. Tuy nhiên, ở một số nội dung khác, phụ huynh lại đánh giá thấp hơn cán bộ quản lý, giáo viên như: “Giáo dục kỹ năng phòng điện giật, phòng cháy chữa cháy, phòng tai nạn đảm bảo an toàn trong lớp, trường”, “Kiểm tra việc tổ chức giờ ăn, giờ ngủ của trẻ đảm bảo quy chế nuôi – dạy”, “Đảm bảo tổ chức thường xuyên cho trẻ thực hiện thói quen giữ vệ sinh cơ thể”. Điều này đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ để gia đình có thể hiểu và đánh giá chính xác thực trạng công tác này.

Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường mầm non và phụ huynh học sinh về việc thực hiện các nội dung tổ chức hoạt động chăm sóc trẻ

TT	Nội dung	CBQL, GV		PH	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Có hồ sơ, sổ sách quản lý trẻ, thuận lợi trong quá trình trao đổi với phụ huynh khi cần thiết	3,33	0,80	3,46	0,54
2	Số trẻ/lớp theo qui định của điều lệ trường mầm non	3,19	0,79	3,35	0,60
3	Trẻ được khám sức khỏe, tẩy giun định kỳ theo Thông tư 13/BYT	3,27	0,79	3,51	0,52
4	Trẻ được cân đo, theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ, tiêm ngừa, uống vacxin theo chiến dịch.	3,37	0,77	3,67	0,53
5	Có chế độ chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ dư cân, béo phì, suy dinh dưỡng	3,39	0,78	3,44	0,65
6	Thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn thương tích cho trẻ (an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần)	3,33	0,79	3,65	0,51
7	Đảm bảo chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ	3,31	0,78	3,59	0,55
8	Công trình vệ sinh phù hợp với từng độ tuổi của trẻ	3,42	0,64	3,56	0,59
9	Tuyên truyền kiến thức giáo dục trẻ mầm non thực hiện vệ sinh cá nhân hàng ngày	3,33	0,73	3,37	0,72
10	Đảm bảo tổ chức thường xuyên cho trẻ thực hiện thói quen giữ vệ sinh cơ thể	3,35	0,77	3,21	0,75
11	Tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh giáo dục chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, phòng bệnh cho trẻ	3,28	0,82	3,26	0,73
12	Có phòng y tế và nhân viên y tế chăm sóc trẻ kịp thời khi trẻ sốt và có tai nạn thương tích xảy ra	3,29	0,80	3,29	0,80
13	Kiểm tra việc tổ chức giờ ăn, giờ ngủ của trẻ đảm bảo quy chế nuôi – dạy	3,41	0,74	3,21	0,80
14	Giáo dục kỹ năng phòng điện giật, phòng cháy chữa cháy, phòng tai nạn đảm bảo an toàn trong lớp, trường	3,33	0,73	3,19	0,76
15	Giáo dục hình thành cho trẻ nề nếp thói quen lao động tự phục vụ trong giờ ăn, ngủ, vệ sinh	3,33	0,78	3,34	0,76
16	Thực hiện qui định đón trẻ trả theo nội qui trường, quy chế ngành	3,34	0,76	3,41	0,77

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn; CBQL: Cán bộ quản lý; GV: Giáo viên; PH: Phụ huynh

3. KẾT LUẬN

Hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ là hoạt động trung tâm; là nhiệm vụ chủ yếu của tất cả các cơ sở nhà trẻ, mẫu giáo. Trẻ ở tuổi mầm non, cơ thể còn yếu ớt, đang phát triển và chưa hoàn thiện, khả năng chống đỡ bệnh tật còn hạn chế. Vì vậy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ khỏe mạnh, lớn nhanh đóng vai trò vô cùng quan trọng. Kết quả khảo sát cho thấy công tác này thực hiện chủ yếu ở mức khá, còn những hạn chế, bất cập nhất định. Để nâng cao chất lượng công tác này, các trường mầm non cần:

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên ở các trường mầm non và cha mẹ trẻ.
- Nâng cao năng lực nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên.
- Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ trong trường mầm non.
- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.
- Hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.
- Đẩy mạnh tuyên truyền và phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng.
- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục mầm non*, Ban hành kèm theo Thông tư số 3945/BGD &ĐT – GDMN, Văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2018-2019. Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011). *Quy định về chuẩn đánh giá chất lượng trường mầm non*, Ban hành theo Thông tư số 07/2011/TT- BGDDT, ngày 17/02/2011, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non*. Hà Nội.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT, ngày 12 tháng 05 năm 2016*. Hà Nội.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008). *Điều lệ trường mầm non*, Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGD, ngày 7 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hà Nội.
- [6] Chính phủ (2012). *Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020, và tầm nhìn đến 2030*, được phê duyệt tại Quyết định số 226/QĐ –TTg, ngày 22/02/2012, Hà Nội.
- [7] Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 (2018). *Kế hoạch hoạt động giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2018 -2019*. TP Hồ Chí Minh.
- [8] Quốc hội (2010). *Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [9] Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh (2018). *Kế hoạch hoạt động giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh năm học 2018 -2019*. TP Hồ Chí Minh.

Title: THE ACTUAL SITUATION OF CARING AND BRINGING UP CHILDREN IN THE KINDERGARTENS LOCATED IN DISTRICT 5 OF HO CHI MINH CITY

Abstract: This article evaluated the actual situation of caring and bringing up children in the kindergartens located in District 5 of Ho Chi Minh city. 178 managers, teachers and 145 parents from those kindergartens participated to our survey. The survey's results showed that overally this work was rather well done, while some shortcomings still existed. Based on the survey's results, the author proposed some suggestions to improve the quality of caring and bringing up kindergarten children.

Keywords: Caring, bringing up, Ho Chi Minh city, kindergarten children.